

**DỰ THẢO ĐIỀU LỆ**  
**HỘI DOANH NGHIỆP TRẺ HÀ NỘI KHÓA IX, NHIỆM KỲ 2026 – 2031**  
*(Kèm Quyết định số .../QĐ/DNTHN – BCH ban hành ngày... tháng... năm 2026)*

-----

**Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Tên gọi, biểu tượng**

1. Tên tiếng Việt: Hội Doanh nghiệp trẻ Hà Nội
2. Tên tiếng Anh: Hanoi Young Business Association
3. Tên viết tắt: HANOIBA
4. Biểu tượng:



**Điều 2. Tôn chỉ, mục đích**

Hội Doanh nghiệp trẻ Hà Nội (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội – nghề nghiệp tự nguyện của các doanh nhân, doanh nghiệp có tinh thần sáng tạo, đột phá, tư duy đổi mới, kiến tạo, đang hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội hoặc đang đầu tư, hợp tác kinh doanh tại Thành phố Hà Nội. Hội quy tụ, tập hợp các doanh nhân, doanh nghiệp không phân biệt thành phần kinh tế, lĩnh vực hoạt động, tôn giáo; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Hội viên. Hội triển khai các hoạt động cụ thể để hỗ trợ Hội viên kết nối và phát triển kinh doanh, nâng cao năng lực trình độ, năng lực cạnh tranh, tham mưu, góp ý chính sách, và các hoạt động khác phục vụ lợi ích của Hội viên, góp phần xây dựng Thủ đô Hà Nội, phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

**Điều 3. Tư cách pháp lý, trụ sở**

Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản nội tệ và ngoại tệ tại ngân hàng và có biểu tượng riêng theo quy định của pháp luật. Điều lệ Hội được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt.

1. Trụ sở chính của Hội Doanh nghiệp trẻ Hà Nội đặt tại Thủ đô Hà Nội.

Hội có thể thành lập văn phòng đại diện tại nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước sở tại.

**Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động**

1. Hội Doanh nghiệp trẻ Hà Nội hoạt động trên phạm vi thành phố Hà Nội, trong lĩnh vực đa ngành nghề.

2. Hội Doanh nghiệp trẻ Hà Nội chịu sự quản lý Nhà nước của các Sở, Ban, Ngành có liên quan về các lĩnh vực mà Hội hoạt động.

Hội Doanh nghiệp trẻ Hà Nội là thành viên tập thể của Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam thành phố Hà Nội. Việc gia nhập làm thành viên tập thể của các tổ chức khác sẽ do Đại hội hoặc Ban Chấp hành quyết định.

### **Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động**

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

## **Chương II: QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI**

### **Điều 6. Quyền của Hội**

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội, hội viên và cộng đồng phù hợp với tôn chỉ, mục đích của hội.
4. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của hội.
5. Phổ biến, bồi dưỡng kiến thức cho hội viên; cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên theo quy định của pháp luật.
6. Tạo lập môi trường thuận lợi để Hội viên xúc tiến thương mại, đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh.
7. Tham gia các chương trình, dự án, đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; các hoạt động tư vấn, góp ý chính sách; tham gia cung cấp dịch vụ công, tổ chức dạy nghề, truyền nghề, hướng nghiệp, khởi nghiệp theo quy định của pháp luật.
8. Thành lập và quản lý chặt chẽ tổ chức thuộc hội theo quy định của pháp luật và điều lệ hội phù hợp với tôn chỉ, mục đích và lĩnh vực hoạt động của hội.
9. Được tham gia ý kiến trong xây dựng cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực hoạt động của hội. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển hội và lĩnh vực hội hoạt động.
10. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của hội.
11. Thu hội phí của hội viên và hoạt động tạo nguồn thu từ kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

12. Được lưu trữ, khai thác, sử dụng trong phạm vi pháp luật cho phép các thông tin, dữ liệu mà Hội viên tự nguyện cung cấp cho mục đích chính đáng theo quy định của pháp luật.
13. Được tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật, gắn với tôn chỉ, mục đích hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của hội.
14. Khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật và điều lệ hội.
15. Hòa giải tranh chấp, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến hội.
16. Quyền khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 7. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Hội**

1. Chấp hành quy định của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của hội và điều lệ hội.
2. Không được lợi dụng hoạt động của hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để thực hiện các hoạt động mê tín, dị đoan; hoạt động tài chính, kinh doanh trái phép làm rối loạn thị trường trong nước.
3. Tập hợp, phát triển hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của hội và thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích hoạt động của hội.
4. Tổ chức, triển khai các hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực, tri thức cho doanh nhân, ứng dụng kiến thức, công nghệ mới cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội viên.
5. Tổ chức các hoạt động kết nối, xúc tiến thương mại, đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh cho Hội viên.
6. Xây dựng, kết nối và phát triển quan hệ với các địa phương, hiệp hội, tổ chức doanh nghiệp trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
7. Phối hợp với các cơ quan chức năng của Thành phố Hà Nội để tổ chức các hoạt động hỗ trợ, phát triển cho Hội viên.
8. Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực hội hoạt động, điều lệ, quy chế, quy định của hội và bồi dưỡng, cập nhật kiến thức tới hội viên.
9. Đề xuất sửa đổi, bổ sung điều lệ; quản lý chặt chẽ hoạt động của tổ chức thuộc hội theo quy định của pháp luật và điều lệ; xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định của hội để làm cơ sở cho hội tổ chức, hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ hội.
10. Tuân thủ các quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ nước ngoài và các quy định pháp luật khác có liên quan; quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ, viện trợ và chịu trách nhiệm là chủ khoản viện trợ theo quy định của pháp luật.
11. Hàng năm, Hội thực hiện báo cáo bằng văn bản tới các cơ quan quản lý có thẩm quyền.

12. Lập và lưu giữ tại trụ sở hội danh sách hội viên, tổ chức thuộc hội, sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của hội, biên bản các cuộc họp ban chấp hành, Thường trực, ban kiểm tra hội.

13. Ban hành các quy chế về hoạt động của ban chấp hành, thường trực ban chấp hành, ban kiểm tra hội; quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của hội; khen thưởng, kỷ luật; quản lý hội viên; giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến hội; quản lý và sử dụng con dấu của hội và các quy định khác phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ hội.

14. Thực hiện hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

15. Thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

### **Chương III: HỘI VIÊN**

#### **Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên**

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết, hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: là các Doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp, hoạt động hợp pháp từ 02 năm trở lên trên địa bàn thành phố Hà Nội hoặc đang đầu tư, hợp tác kinh doanh tại Thành phố Hà Nội, tán thành điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập và được Ban Chấp hành/đơn vị chức năng được giao quyền xem xét kết nạp. Mỗi Doanh nghiệp cử đại diện là người quản lý/lãnh đạo doanh nghiệp để tham gia sinh hoạt Hội. Các trường hợp đặc biệt sẽ do Ban Chấp hành quyết định.

b) Hội viên liên kết: là các Doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp không đủ điều kiện trở thành Hội viên chính thức, tán thành điều lệ Hội, có đóng góp cho sự phát triển của Hội, tự nguyện tham gia, được Ban Chấp hành/đơn vị chức năng được giao quyền xem xét, kết nạp.

c) Hội viên danh dự: là các doanh nghiệp, cá nhân có uy tín xã hội, có kinh nghiệm, năng lực, có khả năng đóng góp cho sự phát triển của tập thể Hội, tán thành điều lệ Hội, có nguyện vọng tham gia, được ban chấp hành mời làm hội viên danh dự.

2. Tiêu chuẩn của Hội viên chính thức:

Các Doanh nghiệp hoạt động theo đúng quy định pháp luật Việt Nam. Đại diện Doanh nghiệp Hội viên tham gia sinh hoạt Hội là người quản lý/lãnh đạo doanh nghiệp, từ 18 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự. Trường hợp thay đổi người đại diện, doanh nghiệp phải có văn bản gửi Hội theo quy định.

#### **Điều 9. Quyền của hội viên.**

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được thụ hưởng các dịch vụ mặc định dành cho hội viên mà Hội cung cấp.

4. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

5. Được ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.
6. Được giới thiệu hội viên mới.
7. Được khen thưởng theo quy định của Hội.
8. Được cấp giấy chứng nhận hội viên.
9. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

#### **Điều 10. Nghĩa vụ của Hội viên**

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.
2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.
3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.
4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.
5. Bảo vệ danh dự, lợi ích của Hội và hội viên khi hoạt động nghề nghiệp và các công việc khác có liên quan theo quy định của pháp luật.
6. Tích cực tuyên truyền thông tin, hình ảnh của Hội, tham gia các công tác, hoạt động chung, phát triển hội viên mới.
7. Đóng các khoản phí Hội đầy đủ và đúng hạn.

#### **Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hội**

1. Đối tượng có đủ điều kiện quy định tại Điều 8 của Điều lệ này, có nguyện vọng, có thể nộp đơn xin gia nhập Hội.

Các loại hình nhóm Doanh nhân, Doanh nghiệp có mong muốn gia nhập Hội nộp đơn xin gia nhập kèm quy chế hoạt động và danh sách Ban điều hành để làm thủ tục xét duyệt và gia nhập Hội.

2. Hội viên bị xoá tên trong các trường hợp sau:
  - a) Hội viên xin ra khỏi Hội;
  - b) Hội viên bị kỷ luật khai trừ khỏi Hội;
  - c) Đơn vị trực thuộc cấp dưới chấm dứt tồn tại, hoạt động theo quy định của pháp luật;
  - d) Doanh nghiệp Hội viên không tồn tại, phá sản, giải thể.
3. Ban Chấp hành Hội Doanh nghiệp trẻ Hà Nội quy định cụ thể trình tự, thủ tục vào Hội, ra Hội phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

### **Chương IV: TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG**

#### **Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội**

1. Đại hội
2. Ban Chấp hành

3. Thường trực Ban Chấp hành
4. Ban Kiểm tra
5. Hội đồng cố vấn
6. Các Ban chuyên môn
7. Các đơn vị trực thuộc
8. Bộ máy vận hành

### **Điều 13. Đại hội Hội**

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 5 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.
2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội đại biểu. Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức được triệu tập có mặt.
3. Nhiệm vụ của Đại hội:
  - a) Báo cáo số lượng đại biểu tham dự đại hội và báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự đại hội;
  - b) Thông qua chương trình đại hội, quy chế đại hội, quy chế bầu cử;
  - c) Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tiếp theo của Hội; báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra; báo cáo tài chính của Hội;
  - d) Thông qua điều lệ Hội hoặc thảo luận đổi tên Hội (nếu có) thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoặc tiếp tục sử dụng Điều lệ hiện hành;
  - đ) Chia, tách; sáp nhập, hợp nhất (nếu có);
  - e) Thông qua đề án nhân sự đại hội; biểu quyết số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra cho cả nhiệm kỳ của hội; đề cử, ứng cử vào danh sách Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội;
  - g) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội;
  - h) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Hội (nếu có);
  - i) Thông qua nghị quyết Đại hội.
4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:
  - a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;
  - b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 tổng số đại biểu chính thức được triệu tập tán thành.

### **Điều 14. Ban Chấp hành Hội**

1. Ban Chấp hành Hội là cơ quan lãnh đạo giữa 02 kỳ Đại hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, sức khỏe,

độ tuổi của ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành trùng với nhiệm kỳ Đại hội. Trong nhiệm kỳ, Ban Chấp hành Hội có thể được bổ sung, thay thế nhưng không quá 2/3 (hai phần ba) số lượng Ủy viên được hiệp thương tại Đại hội.

Thành phần Ban Chấp hành gồm đại diện/lãnh đạo các đơn vị trực thuộc; người lãnh đạo/quản lý, đại diện cho các doanh nghiệp hội viên hoạt động kinh doanh có hiệu quả, có tiềm lực và tiềm năng phát triển và/hoặc có khả năng quy tụ doanh nhân, doanh nghiệp, đóng góp cho sự phát triển của Hội; đại diện cho các cơ quan nhà nước, tổ chức đoàn thể, chuyên gia, có năng lực, uy tín, có khả năng đóng góp cho sự phát triển của Hội; đại diện của đơn vị vận hành hoạt động Hội.

Khi một Ủy viên Ban Chấp hành không còn giữ vai trò là đại diện/người quản lý của Doanh nghiệp Hội viên thì đương nhiên thôi tư cách ủy viên Ban Chấp hành.

## **2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành**

- a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;
- b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;
- c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;
- d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Thường trực Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; Quy chế quản lý hội viên; Quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội, các quy chế khác và quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;
- đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng Ban, Người đứng đầu một số đơn vị trực thuộc do Hội thành lập, ủy viên Ban Kiểm tra; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra.
- e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

## **3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành**

- a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;
- b) Ban Chấp hành mỗi năm họp tối thiểu 02 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Thường trực Ban Chấp hành hoặc trên 50% tổng số thành viên Ban Chấp hành. Ban Chấp hành có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Chấp hành quyết định;
- c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 50% thành viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;
- d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 50% tổng số thành viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến Ban Chấp hành bằng văn bản hoặc các hình thức phù hợp khác.

### **Điều 15. Thường trực Ban Chấp hành**

1. Thường trực Ban Chấp hành Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Thường trực Ban Chấp hành Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các thành viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Thường trực Ban Chấp hành do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Thường trực Ban Chấp hành trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực Ban Chấp hành:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa các kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Ban hành quyết định thành lập/kết nạp các tổ chức thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức thuộc Hội;

d) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Thường trực Ban Chấp hành:

a) Thường trực Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Thường trực Ban Chấp hành mỗi năm họp tối thiểu 02 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 50% tổng số thành viên Thường trực Ban Chấp hành. Thường trực Ban Chấp hành có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Thường trực Ban Chấp hành quyết định;

c) Các cuộc họp của Thường trực Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 50% thành viên Thường trực Ban Chấp hành tham gia dự họp. Thường trực Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Thường trực Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Thường trực Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 50% tổng số thành viên Thường trực Ban Chấp hành biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội;

đ) Giữa các kỳ họp, Thường trực Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Thường trực Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến Thường trực Ban Chấp hành bằng văn bản hoặc các hình thức phù hợp khác.

### **Điều 16. Ban Kiểm tra**

1. Ban Kiểm tra Hội do Đại hội bầu. Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra trùng với nhiệm kỳ Đại hội. Trong nhiệm kỳ, Ban Chấp

hành có thể bầu bổ sung, thay thế các thành viên Ban Kiểm tra theo cơ cấu đã được Đại hội thông qua.

## 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Thường trực Ban Chấp hành, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, xử lý đơn, thư, phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân liên quan tới tổ chức Hội, hội viên, các tổ chức thuộc Hội đã được quy định trong Quy chế giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại tố cáo của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Tổng hợp, đề nghị Thường trực Ban Chấp hành, Ban Chấp hành xem xét, giải quyết đơn phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Thường trực Ban Chấp hành, Ban Chấp hành. Trường hợp không giải quyết được thì chuyển Tòa án hoặc các cơ quan chức năng giải quyết theo quy định của pháp luật.

## 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra:

Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Giữa các kỳ họp, Ban Kiểm tra có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm tra thông qua việc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản.

## **Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội**

1. Chủ tịch Hội là đại diện của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các thành viên Thường trực Ban Chấp hành.

## 2. Tiêu chuẩn, điều kiện Chủ tịch Hội:

### a) Tiêu chuẩn:

- Chấp hành và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước;
- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- Có uy tín và hiểu biết về lĩnh vực hội hoạt động;
- Có quốc tịch Việt Nam;
- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không có án tích;
- Các tiêu chuẩn khác do Ban Chấp hành Hội Quy định.

### b) Điều kiện:

- Không giữ chức danh chủ tịch quá 02 hội;
- Không giữ chức danh chủ tịch Hội quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp;

## 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Thường trực Ban Chấp hành;

- b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Thường trực Ban Chấp hành về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Thường trực Ban Chấp hành;
  - c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Thường trực Ban Chấp hành;
  - d) Thay mặt Ban Chấp hành, Thường trực Ban Chấp hành ký các văn bản của Hội;
  - đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội;
  - e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.
4. Đại hội hoặc Ban Chấp hành Hội xem xét, quyết định mời và suy tôn cá nhân có uy tín trong xã hội, có nhiều đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và phát triển Hội làm Chủ tịch danh dự hoặc Chủ tịch Hội đồng Chủ tịch.
5. Số lượng phó chủ tịch Hội: quy định tại đề án nhân sự Đại hội
6. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Thường trực Ban Chấp hành Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

7. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội:
- a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội được miễn nhiệm trong các trường hợp: không đủ sức khỏe; không đủ năng lực và uy tín để hoàn thành nhiệm vụ; theo yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền; nhân sự có đơn xin từ chức vì lý do cá nhân;
  - b) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội bị bãi nhiệm khi có kết luận của cấp có thẩm quyền về việc Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội vi phạm pháp luật, Điều lệ Hội làm ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động của Hội hoặc bị Tòa án kết án có tội;
  - c) Khi miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội phải đồng thời bầu Chủ tịch khác để thay thế theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội hoặc phân công người điều hành hoạt động của Hội trong thời gian chưa bầu được Chủ tịch Hội.
8. Đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch:
- a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội bị đình chỉ trong các trường hợp: bị tạm giam, tạm giữ để điều tra xét xử theo quy định của pháp luật; vi phạm nghiêm trọng Điều lệ, quy chế, quy định của Hội;
  - b) Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hành vi vi phạm, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đình chỉ công tác, cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội.

## **Điều 18. Hội đồng cố vấn**

Hội đồng cố vấn là hội đồng có chức năng chủ yếu là hỗ trợ các hoạt động hội cả về vật chất, thời gian và tinh thần. Thành viên của Hội đồng cố vấn là các nguyên lãnh đạo Hội qua các thời kỳ, các nhân vật có uy tín, tầm ảnh hưởng xã hội, có thể mang lại nhiều giá trị, lợi ích cho Hội, tự nguyện tham gia. Hội đồng được Hội mời tham vấn, tham gia các sự kiện của Hội. Các thành viên của Hội đồng cố vấn không có nghĩa vụ đóng góp hội phí nhưng có thể đóng góp, tài trợ cho Hội theo khả năng.

#### **Điều 19. Các Ban chuyên môn**

Là các đơn vị có chức năng chuyên biệt do Ban Chấp hành thành lập để thực hiện công tác vận hành Hội.

#### **Điều 20. Các đơn vị trực thuộc**

Là các tổ chức cấp dưới do Ban Chấp hành quyết định thành lập hoặc kết nạp, có chức năng tập hợp, phân loại, hỗ trợ Hội viên theo phương hướng của Đại hội, nhiệm vụ mà Hội phân công hoặc theo quy chế vận hành mà Hội đã ban hành, công nhận khi thành lập hoặc gia nhập.

#### **Điều 21. Bộ phận vận hành**

Là cơ quan chuyên trách giúp việc cho Ban Chấp hành trong việc thực thi các công việc của Hội.

a) Đứng đầu Bộ phận vận hành Hội là Tổng Thư ký của Hội. Tổng Thư ký của Hội do Chủ tịch đề cử và được Thường trực Ban Chấp hành quyết định bổ nhiệm, có chức năng thay mặt Chủ tịch vận hành mọi công việc của Hội. Tổng Thư ký Hội là đại diện cho Bộ phận vận hành tại Ban Chấp hành Hội. Tổng Thư ký Hội có thể được Đại hội, Ban Chấp hành bầu tham gia Thường trực Ban Chấp hành.

b) Cán bộ Hội là các cá nhân có năng lực được Tổng Thư ký tuyển dụng để triển khai hoạt động của Hội.

Cơ cấu, các bộ phận của Bộ phận vận hành Hội do Tổng thư ký đề xuất và được Chủ tịch Hội phê duyệt, thông qua.

### **Chương V: CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ**

#### **Điều 22. Đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hội**

Việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Ban Chấp hành Hội và các quy định pháp luật có liên quan.

#### **Điều 23. Thu hồi con dấu của Hội**

Việc thu hồi con dấu đối khi Hội đổi tên, Hội bị chia, sáp nhập, hợp nhất, bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định của pháp luật có liên quan.

### **Chương VI: TÀI CHÍNH, TÀI SẢN CỦA HỘI**

#### **Điều 24. Tài chính, tài sản của Hội**

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
  - Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
  - Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
  - Ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có) cho các nhiệm vụ Đảng, Nhà nước, Thành phố giao theo quy định của pháp luật;
  - Các khoản thu hợp pháp khác;
- b) Các khoản chi của Hội:
- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
  - Chi thực hiện nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao (nếu có);
  - Chi thuê trụ sở, mua sắm phương tiện làm việc;
  - Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
  - Chi xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm tài sản của Hội;
  - Chi khen thưởng và các khoản chi hợp pháp khác;

## 2. Tài sản của Hội:

- a) Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội và các tài sản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật;
- b) Việc quản lý, sử dụng tài sản của Hội thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật về tài sản, tài chính, kế toán và Điều lệ của Hội. Đối với tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;
- c) Khi hội chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể thì hội kiểm kê, phân loại tài sản để xác định việc xử lý tài sản:
- Đối với tài sản của Hội là tài sản công thì việc quản lý, sử dụng, xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công;
  - Đối với tài sản của Hội được hình thành từ nguồn tự có của Hội thì việc quản lý, sử dụng và xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của Hội.

## **Điều 25. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội**

### 1. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội:

- a) Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội;
- b) Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật về hội và pháp luật có liên quan.
- c) Ban Chấp hành Hội ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật

về tài chính, kế toán, về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Thực hiện công tác kế toán, kiểm toán, thống kê:

a) Hội phải tổ chức công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của Luật Kế toán, Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thực hiện, cụ thể:

- Chấp hành các quy định về chứng từ kế toán; hạch toán kế toán và các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản có liên quan đến Hội;

- Mở sổ kế toán ghi chép và lưu trữ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản có liên quan đến Hội (phản ánh, theo dõi chi tiết số thu, chi tiền, hiện vật do các tổ chức, cá nhân đóng góp, viện trợ, tài trợ và các khoản thu, chi khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội);

- Lập đầy đủ hồ sơ tài liệu chứng từ khác có liên quan theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

b) Cung cấp các thông tin cần thiết gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

## **Chương VII: KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

### **Điều 26. Khen thưởng**

1. Tổ chức thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

3. Hội lập ra các giải thưởng cần thiết phù hợp với quy định của pháp luật để tuyên dương, động viên các Doanh nhân, Doanh nghiệp có thành tích đóng góp cho sự phát triển của Hội và Thành phố Hà Nội.

4. Hội xây dựng Quy chế chi tiết về khen thưởng phù hợp và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 27. Kỷ luật**

1. Tổ chức thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật. bằng các hình thức kỷ luật sẽ được quy định tại quy chế về kỷ luật của Hội

Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

## **Chương VIII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 28. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội được Đại hội thông qua khi có trên 1/2 tổng số đại biểu chính thức tán thành.

2. Điều lệ phải được Hội hoàn thiện đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội phê duyệt.

**Điều 29. Hiệu lực thi hành**

1. Điều lệ Hội Doanh nghiệp trẻ Hà Nội gồm 08 Chương, 29 Điều đã được Đại hội Đại biểu Hội Doanh nghiệp trẻ Hà Nội thông qua ngày... tháng... năm... tại... và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của ...

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Doanh nghiệp trẻ Hà Nội có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.